

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: Tháng 8/2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4254/QĐ-ĐHCT ngày 28/8/2023 của Hiệu Trường Trường Đại học Cần Thơ)

Học kỳ Hè - Năm học 2022-2023

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Loại văn bằng	Ghi chú
Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin (Hệ Đại học - Học từ xa)										
1	CM20V7X023	Tạ Quốc Niêm	24/11/1991	ET20V7X1		2.93	156	Khá	Kỹ sư	
2	CM20V7X069	Mạc Huỳnh Duy	16/01/1989	ET20V7X1	N	2.16	156	Trung bình	Kỹ sư	
3	CM20V7X092	Lê Quốc Khương	22/11/1987	ET20V7X1		2.53	158	Khá	Kỹ sư	
4	DI20V7X036	Kim Chăm Nal	12/06/1987	ET20V7X1		2.34	160	Trung bình	Kỹ sư	
5	DI20V7X075	Bùi Nhiều Dương	17/06/1990	ET20V7X1		3.45	156	Giỏi	Kỹ sư	
6	DI20V7X077	Hồ Chánh Tín	01/08/1989	ET20V7X1		2.71	156	Khá	Kỹ sư	
7	DI20V7X095	Trần Nguyễn Việt Yên	21/05/1994	ET20V7X1	N	2.21	156	Trung bình	Kỹ sư	
8	DN20V7X038	Đặng Ngô Huy	06/05/1987	ET20V7X1		2.39	156	Trung bình	Kỹ sư	
9	DS20V7X041	Hoàng Văn Thông	12/10/1981	ET20V7X1		2.62	158	Khá	Kỹ sư	
10	DT20V7X081	Huỳnh Minh Thiện	00/00/1986	ET20V7X1		3.05	156	Khá	Kỹ sư	
11	GH20V7X068	Võ Ngọc Thu Trâm	03/05/1990	ET20V7X1	N	2.79	156	Khá	Kỹ sư	
Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh (Hệ Đại học - Học từ xa)										
1	CM21V1X500	Hoàng Thị Bích	21/06/1985	CM21V1X1	N	3.26	141	Giỏi	Cử nhân	
2	CM21V1X507	Nguyễn Thị Lam Kiều	31/10/1988	CM21V1X1	N	3.82	141	Xuất sắc	Cử nhân	
3	CM21V1X508	Phan Tiểu Linh	06/05/1995	CM21V1X1	N	3.19	141	Khá	Cử nhân	
4	CM21V1X511	Nguyễn Thùy Linh	12/03/1995	CM21V1X1	N	3.18	141	Khá	Cử nhân	
5	CM21V1X512	Đoàn Mỹ Lợi	19/05/1991	CM21V1X1	N	3.49	141	Giỏi	Cử nhân	
6	CM21V1X516	Dương Diễm My	01/01/1993	CM21V1X1	N	2.99	141	Khá	Cử nhân	
7	CM21V1X517	Trần Thẩm Mỹ	24/12/1983	CM21V1X1	N	3.11	141	Khá	Cử nhân	
8	CM21V1X519	Nguyễn Ngọc Ngân	15/12/1997	CM21V1X1	N	3.01	141	Khá	Cử nhân	
9	CM21V1X520	Cao Thị Tuyết Nghi	01/01/1994	CM21V1X1	N	3.62	141	Xuất sắc	Cử nhân	
10	CM21V1X522	Nguyễn Huỳnh Như	06/08/1992	CM21V1X1	N	3.32	141	Giỏi	Cử nhân	
11	CM21V1X523	Trần Hoàng Phúc	01/01/1993	CM21V1X1		2.81	141	Khá	Cử nhân	
12	CM21V1X524	Tạ Như Quỳnh	06/07/1996	CM21V1X1	N	3.70	141	Xuất sắc	Cử nhân	
13	CM21V1X532	Huỳnh Đào	25/10/1980	CM21V1X1	N	3.23	141	Giỏi	Cử nhân	
14	CM21V1X533	Trần Hồng Diễm	00/00/1992	CM21V1X1	N	3.44	141	Giỏi	Cử nhân	
15	CM21V1X534	Dương Thị Ngọc Tuyên	16/04/1979	CM21V1X1	N	3.11	141	Khá	Cử nhân	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Loại văn bằng	Ghi chú
16	CM21V1X535	Nguyễn Như Hào	30/12/1996	CM21V1X1	N	3.08	141	Khá	Cử nhân	
17	CM21V1X538	Thái Hồng Đào	29/04/1990	CM21V1X1	N	3.13	141	Khá	Cử nhân	
18	CM21V1X539	Nguyễn Thanh Thảo	25/02/1996	CM21V1X1		2.94	141	Khá	Cử nhân	
19	CM21V1X540	Hồ Huỳnh Như	21/11/1995	CM21V1X1	N	3.39	141	Giỏi	Cử nhân	
20	CM21V1X543	Huỳnh Thị Vân Quỳnh	20/06/1990	CM21V1X1	N	3.21	141	Giỏi	Cử nhân	
21	CM21V1X545	Lê Trần Anh Hùng	09/10/1993	CM21V1X1		3.14	141	Khá	Cử nhân	
22	CO19V1X345	Phan Trung Hiếu	15/01/1978	CO19V1X1		2.82	132	Khá	Cử nhân	
23	CO19V1X346	Từ Văn Giao	20/05/1981	CO19V1X1		2.82	132	Khá	Cử nhân	
24	CO19V1X347	Nguyễn Thị Thanh Thúy	10/10/1994	CO19V1X1	N	3.12	132	Khá	Cử nhân	
25	FL19V1X035	Ngô Vũ Ngân	01/02/1991	ET19V1X1	N	3.06	140	Khá	Cử nhân	Nợ học phí
26	FL19V1X063	Đặng Thị Thảo	27/10/1981	ET19V1X1	N	2.33	131	Trung bình	Cử nhân	
27	FL19V1X101	Trần Văn Duy	13/05/2000	EF19V1X1		3.15	129	Khá	Cử nhân	
28	FL19V1X102	Nguyễn Tú Hoa	00/00/1988	EF19V1X1	N	3.05	129	Khá	Cử nhân	
29	FL19V1X109	Nguyễn Văn Tiến	12/08/1999	EF19V1X1		3.23	129	Giỏi	Cử nhân	
30	FL20V1X044	Trần Thị Giang	30/08/1985	ET20V1X1	N	3.09	141	Khá	Cử nhân	
31	GM21V1X002	Phạm Tường Duyên	01/11/1991	GM21V1X1	N	2.61	141	Khá	Cử nhân	
32	GN21V1X001	Lê Thu An	00/00/1985	GN21V1X1	N	3.05	141	Khá	Cử nhân	
33	GN21V1X002	Nguyễn Bảo Anh	28/03/1988	GN21V1X1	N	3.78	141	Xuất sắc	Cử nhân	
34	GN21V1X004	Nguyễn Thanh Điền	28/10/1982	GN21V1X1		2.99	141	Khá	Cử nhân	
35	GN21V1X009	Hà Phước Hưng	19/03/1993	GN21V1X1		3.26	141	Giỏi	Cử nhân	
36	GN21V1X011	Nguyễn Kim Ngân	04/07/1982	GN21V1X1	N	3.48	141	Giỏi	Cử nhân	
37	GN21V1X012	Huỳnh Thanh Nghị	12/03/1979	GN21V1X1		3.14	141	Khá	Cử nhân	
38	GN21V1X013	Huỳnh Kiều Nhanh	15/12/1976	GN21V1X1	N	3.31	141	Giỏi	Cử nhân	
39	GN21V1X014	Trần Thị Yên Nhi	02/11/1995	GN21V1X1	N	3.17	141	Khá	Cử nhân	
40	GN21V1X015	Nguyễn Huỳnh Như	03/02/1994	GN21V1X1	N	3.08	141	Khá	Cử nhân	
41	GN21V1X019	Võ Quốc Thanh	20/05/1987	GN21V1X1		2.86	141	Khá	Cử nhân	
42	GN21V1X020	Nguyễn Thị Ngọc Trang	05/06/1987	GN21V1X1	N	3.27	141	Giỏi	Cử nhân	
43	GN21V1X021	Võ Thị Ngọc Trâm	06/10/1990	GN21V1X1	N	2.94	141	Khá	Cử nhân	
44	GN21V1X022	Hồ Thị Tuyết Vân	18/02/1984	GN21V1X1	N	3.30	141	Giỏi	Cử nhân	
45	GN21V1X024	Nguyễn Lê Thảo Vy	02/09/1997	GN21V1X1	N	3.14	141	Khá	Cử nhân	
46	GN21V1X025	Nguyễn Trọng Yên	13/06/1977	GN21V1X1		2.59	141	Khá	Cử nhân	
47	GN21V1X100	Kiều Thùy Dương	01/11/1989	GN21V1X1	N	3.35	141	Giỏi	Cử nhân	
48	GN21V1X101	Trương Văn Hạng	10/08/1986	GN21V1X1		2.36	141	Trung bình	Cử nhân	
49	GN21V1X102	Trịnh Tòng Phát	07/06/1982	GN21V1X1		2.91	141	Khá	Cử nhân	
50	GN21V1X105	Nguyễn Ngọc Lan Anh	27/09/1997	GN21V1X1	N	2.49	141	Trung bình	Cử nhân	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Loại văn bằng	Ghi chú
51	GN21V1X107	Lê Quang Liêm	17/10/1980	GN21V1X1		2.42	141	Trung bình	Cử nhân	
52	GN21V1X108	Ôn Thị Thương	10/08/1981	GN21V1X1	N	3.15	141	Khá	Cử nhân	
53	GN21V1X109	Bùi Anh Tuấn	09/09/1984	GN21V1X1		2.95	141	Khá	Cử nhân	
54	GN21V1X110	Lê Thanh Nghị	12/07/1979	GN21V1X1		2.79	141	Khá	Cử nhân	
Ngành đào tạo: Kế toán (Hệ Đại học - Học từ xa)										
1	CB1420X040	Nguyễn Thị Về	08/03/1991	CB1420X1	N	2.71	115	Khá	Cử nhân	
2	CM2020X003	Nguyễn Thị Hồng Thu	26/03/1986	ET2020X1	N	3.12	161	Khá	Cử nhân	
3	CM2020X021	Hoàng Văn Hiếu	10/01/1990	ET2020X1		2.27	151	Trung bình	Cử nhân	
4	CM2020X022	Lê Thị Hương	10/07/1993	ET2020X1	N	2.25	151	Trung bình	Cử nhân	
5	GH1920X020	Nguyễn Ngọc Thanh	27/07/1977	ET1920X1	N	2.02	130	Trung bình	Cử nhân	Nợ học phí
6	HD1320X061	Nguyễn Thị Diễm Phương	00/00/1988	HD1320X1	N	2.77	112	Khá	Cử nhân	Nợ học phí
7	KT2020X016	Trịnh Gia Hân	09/09/1997	ET2020X1	N	3.11	148	Khá	Cử nhân	
8	KT2020X026	Trần Ngọc Sang	17/04/1991	ET2020X1	N	2.59	154	Khá	Cử nhân	
9	KT2020X123	Nguyễn Thanh Trúc	08/09/1992	EF2020X1	N	2.40	146	Trung bình	Cử nhân	
10	KT2020X134	Huỳnh Ngọc Tiến	30/04/1987	EF2020X1		2.76	138	Khá	Cử nhân	
11	KT2120X004	Huỳnh Thị Thanh Thúy	26/09/1987	ET2120X1	N	2.80	141	Khá	Cử nhân	
12	KT2120X014	Nguyễn Thị Ngọc Tú	10/03/1991	ET2120X1	N	2.99	141	Khá	Cử nhân	
13	TM2020X028	Nguyễn Văn Thanh	16/09/1975	ET2020X1		2.54	146	Khá	Cử nhân	
Ngành đào tạo: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Hệ Đại học - Học từ xa)										
1	DL14W2X052	Nguyễn Trần Thông Tiến	08/05/1988	DL14W2X1		2.76	111	Khá	Cử nhân	
Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh (Hệ Đại học - Học từ xa)										
1	CB2022X001	Trương Thị Huỗi	00/00/1980	ET2022X1	N	3.11	141	Khá	Cử nhân	
2	CM2122X017	Nguyễn Tô Lam	16/11/1993	ET2122X1	N	3.24	143	Giỏi	Cử nhân	
3	CT1522X090	Phùng Diệp Thiên Vũ	09/09/1992	CT1522X1		2.47	113	Trung bình	Cử nhân	
4	CT2122X011	Đỗ Quyên Bích Thảo	12/06/1994	ET2122X1	N	3.17	143	Khá	Cử nhân	
5	DS2122X015	Trương Quang Ngọ	06/06/1990	ET2122X1		3.11	143	Khá	Cử nhân	
6	DT2122X001	Nguyễn Thị Trà My	03/06/1989	ET2122X1	N	3.35	143	Giỏi	Cử nhân	
7	KT1422X099	Đỗ Thị Kim Sa	08/08/1980	KT1422X1	N	2.10	112	Trung bình	Cử nhân	Nợ học phí
8	KT1822X010	Lê Hải Bằng	02/02/1995	ET1822X1		2.69	130	Khá	Cử nhân	Nợ học phí
9	KT1822X114	Hồ Thị Tý	01/01/1991	EF1822X1	N	2.55	130	Khá	Cử nhân	
10	KT1822X155	Nguyễn Bảo Hân	09/10/1994	EF1822X1	N	2.93	131	Khá	Cử nhân	
11	KT1922X117	Kiên Thị Thu Hiền	12/04/1998	EF1922X1	N	2.50	131	Khá	Cử nhân	
12	KT2022X014	Phạm Kim Ngân	05/02/1995	ET2022X1	N	3.29	141	Giỏi	Cử nhân	
13	KT2022X129	Nguyễn Thanh Tài	22/08/1992	EF2022X1		3.32	141	Giỏi	Cử nhân	
14	KT2122X002	Phạm Thị Xuân Lan	07/12/1988	ET2122X1	N	2.76	143	Khá	Cử nhân	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Loại văn bằng	Ghi chú
15	KT2122X005	Đỗ Ngọc Diễm	27/03/1989	ET2122X1	N	3.53	143	Giỏi	Cử nhân	
16	KT2122X016	Nguyễn Minh Thành	01/12/1993	ET2122X1		3.34	143	Giỏi	Cử nhân	
Ngành đào tạo: Tài chính - Ngân hàng (Hệ Đại học - Học từ xa)										
1	KT1421X017	Huỳnh Công Tuấn Anh	19/12/1993	KT1421X1		2.21	113	Trung bình	Cử nhân	
2	KT1422X018	Lý Như Huỳnh	22/02/1991	KT1421X1	N	2.56	112	Khá	Cử nhân	Nợ học phí
3	KT1821X109	Nguyễn Thị Hồng Ngân	08/04/1996	EF1821X2	N	2.42	131	Trung bình	Cử nhân	
4	KT1821X112	Lâm Thanh Trúc	22/10/1980	EF1821X2	N	2.31	131	Trung bình	Cử nhân	
Ngành đào tạo: Luật (Hệ Đại học - Học từ xa)										
1	BK2032X049	Nguyễn Thành Tiên	07/12/1983	ET2032X1		2.52	141	Khá	Cử nhân	
2	BK2032X074	Dương Thị Xuân Đào	27/07/1986	ET2032X1	N	2.45	141	Trung bình	Cử nhân	
3	BK2032X151	Phạm Anh Thống	14/09/1993	EF2032X1		2.41	141	Trung bình	Cử nhân	
4	CB1732X035	Mã Thế Vinh	01/04/1993	CB1732X1		2.42	114	Trung bình	Cử nhân	
5	CB1932X431	Đỗ Tuấn Vũ	26/11/1996	EF1932X2		2.62	131	Khá	Cử nhân	
6	CB2032X026	Nguyễn Thị Minh Thư	05/12/1993	ET2032X1	N	2.43	143	Trung bình	Cử nhân	
7	CM2032X051	Huỳnh Văn Quốc	01/01/1991	ET2032X1		3.58	141	Giỏi	Cử nhân	
8	CM2032X062	Nguyễn Lê Khắc Liêm	22/06/1992	ET2032X1		3.14	141	Khá	Cử nhân	
9	CM2032X063	Bùi Anh Dũng	19/09/1981	ET2032X1		2.72	141	Khá	Cử nhân	
10	CM2032X065	Cao Tiến Đạt	02/12/1997	ET2032X1		3.42	141	Giỏi	Cử nhân	Nợ học phí
11	CM2032X066	Phan Bùi Phương Nhi	30/08/1997	ET2032X1	N	3.29	143	Giỏi	Cử nhân	
12	CM2032X068	Trương Hoàng Kiệt	16/09/1974	ET2032X1		3.08	141	Khá	Cử nhân	
13	CM2032X069	Huỳnh Thị Ngoan	01/01/1985	ET2032X1	N	3.19	141	Khá	Cử nhân	
14	CM2032X220	Nguyễn Văn Khỏe	22/05/1980	EF2032X1		3.18	141	Khá	Cử nhân	
15	DN2032X100	Lê Đình Giáp	10/01/1983	ET2032X1		2.74	143	Khá	Cử nhân	
16	DS1932X322	Mai Thị Thanh Tuyết	06/08/1985	ET1932X2	N	2.56	132	Khá	Cử nhân	
17	DS1932X401	Niê H Hoi	16/06/1988	EF1932X2	N	2.15	131	Trung bình	Cử nhân	
18	DS1932X437	Vũ Văn Đức	03/11/1977	EF1932X2		2.04	131	Trung bình	Cử nhân	
19	DS2032X059	Trương Công Thành	12/02/1990	ET2032X1		2.55	141	Khá	Cử nhân	Nợ học phí
20	DS2032X102	Nguyễn Minh Tuấn	01/05/1991	ET2032X1		2.47	143	Trung bình	Cử nhân	Nợ học phí
21	DT1932X404	Lê Ngọc Như	25/08/1989	EF1932X2	N	2.32	129	Trung bình	Cử nhân	
22	DT1932X405	Phạm Ngọc Ánh	12/08/1981	EF1932X2	N	2.38	130	Trung bình	Cử nhân	
23	DT1932X406	Trương Văn Bích	26/04/1985	EF1932X2		2.60	129	Khá	Cử nhân	
24	DT1932X412	Phạm Tấn Tài	09/02/1993	EF1932X2		2.38	129	Trung bình	Cử nhân	
25	DT1932X413	Lê Văn Tánh	01/01/1983	EF1932X2		2.45	131	Trung bình	Cử nhân	
26	DT1932X440	Nguyễn Quốc Trường	19/10/1982	EF1932X2		2.17	133	Trung bình	Cử nhân	
27	DT1932X441	Phạm Chí Hải	25/03/1983	EF1932X2		2.33	129	Trung bình	Cử nhân	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Loại văn bằng	Ghi chú
28	DT2032X033	Nguyễn Trần Giác Liêl	00/00/1992	ET2032X1	N	2.32	141	Trung bình	Cử nhân	Nợ học phí
29	DT2032X071	Dương Văn Đô	09/11/1995	ET2032X1		2.13	143	Trung bình	Cử nhân	
30	DT2032X104	Phạm Hoàng Yên	16/10/1989	ET2032X1	N	2.56	143	Khá	Cử nhân	
31	DT2032X105	Huỳnh Thanh Hoàng	22/01/1990	ET2032X1		2.73	141	Khá	Cử nhân	
32	DT2032X106	Huỳnh Thị Liên	12/11/1993	ET2032X1	N	2.35	141	Trung bình	Cử nhân	
33	FL18V1X401	Nguyễn Thanh Vân	30/08/1985	EF1932X2	N	2.70	129	Khá	Cử nhân	
34	GH1832X206	Phạm Ngọc Chí Công	23/02/1992	EF1832X1		2.65	129	Khá	Cử nhân	Nợ học phí
35	GH1932X003	Lê Thanh Nhân	05/11/1985	ET1932X1		2.28	131	Trung bình	Cử nhân	
36	GH1932X110	Mai Thị Thanh Hồng	22/01/1988	EF1932X1	N	2.27	134	Trung bình	Cử nhân	
37	GQ1920X313	La Thị Lên	29/09/1986	ET1932X2	N	2.33	129	Trung bình	Cử nhân	
38	HN1932X114	Phạm Hải Đăng	09/11/1992	EF1932X1		2.19	130	Trung bình	Cử nhân	
39	KG1432X013	Nguyễn Thành Ngoan	12/05/1988	KG1432X1		2.35	112	Trung bình	Cử nhân	Nợ học phí
40	LK1832X103	Huỳnh Trần Tấn Đạt	19/07/1986	EF1832X1		2.41	129	Trung bình	Cử nhân	
41	LK1932X158	Võ Xuân Hồng	10/11/1988	EF1932X1	N	2.43	135	Trung bình	Cử nhân	
42	LK1932X306	Nguyễn Y Bình	28/08/1996	ET1932X2	N	2.40	131	Trung bình	Cử nhân	Nợ học phí
43	LK1932X308	Võ Thị Trúc Ly	07/10/1991	ET1932X2	N	3.10	129	Khá	Cử nhân	
44	LK1932X311	Trương Thị Bích Tuyên	11/11/1997	ET1932X2	N	2.36	129	Trung bình	Cử nhân	
45	LK1932X415	Nguyễn Tuấn Anh	01/01/1989	EF1932X2		2.62	129	Khá	Cử nhân	
46	LK1932X418	Đình Thị Tô Ghi	28/08/1989	EF1932X2	N	2.21	129	Trung bình	Cử nhân	
47	LK1932X424	Nguyễn Anh Thư	04/01/1984	EF1932X2		2.62	129	Khá	Cử nhân	
48	LK1932X425	Huỳnh Thương	18/08/1996	EF1932X2	N	2.36	129	Trung bình	Cử nhân	
49	LK1932X434	Nguyễn Lê Bảo Trâm	08/02/1989	EF1932X2	N	3.24	129	Giỏi	Cử nhân	
50	LK1932X436	Hồ Chí Tâm	24/07/1984	EF1932X2		3.34	129	Giỏi	Cử nhân	
51	LK2032X037	Trần Quốc Duãng	14/03/1984	ET2032X1		2.81	141	Khá	Cử nhân	
52	LK2032X044	Trần Hoàng Nam	11/12/1996	ET2032X1		2.80	141	Khá	Cử nhân	
53	LK2032X045	Thị Keo Chành Đa	09/09/1988	ET2032X1	N	3.13	143	Khá	Cử nhân	
54	LK2032X046	Nguyễn Thị Bé Chúc	28/04/1986	ET2032X1	N	2.27	141	Trung bình	Cử nhân	
55	LK2032X054	Nguyễn Thị Kim Phụng	11/02/1980	ET2032X1	N	2.86	141	Khá	Cử nhân	
56	LK2032X055	Nguyễn Thị Kiều Sang	13/12/1981	ET2032X1	N	2.30	141	Trung bình	Cử nhân	
57	LK2032X075	Lê Khanh	21/07/1990	ET2032X1		2.99	141	Khá	Cử nhân	
58	LK2032X076	Nguyễn Thành Quý	09/09/1990	ET2032X1		2.97	141	Khá	Cử nhân	
59	LK2032X077	Võ Quốc Thắng	31/12/1982	ET2032X1		2.78	141	Khá	Cử nhân	
60	LK2032X081	Đỗ Thị Ngân	18/05/1983	ET2032X1	N	2.28	141	Trung bình	Cử nhân	
61	LK2032X083	Trần Thị Bưởi	15/06/1984	ET2032X1	N	3.06	143	Khá	Cử nhân	
62	LK2032X084	Nguyễn Thị Bé Hai	00/00/1977	ET2032X1	N	2.48	143	Trung bình	Cử nhân	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Loại văn bằng	Ghi chú
63	LK2032X086	Đặng Kha Lin	11/01/1989	ET2032X1		2.89	143	Khá	Cử nhân	
64	NL1932X011	Trịnh Văn Long	25/12/1974	NL1932X1		2.73	129	Khá	Cử nhân	
65	NL1932X020	Trương Minh Quý	01/09/1983	NL1932X1		2.85	131	Khá	Cử nhân	
66	NP1832X050	Nguyễn Trần Minh Tuấn	04/01/1993	NP1832X1		2.58	129	Khá	Cử nhân	
67	NT1932X025	Phạm Nhựt Tân	16/12/1992	NT1932X1		2.73	129	Khá	Cử nhân	
68	NT1932X029	Nguyễn Vạn Tỷ	15/01/1995	NT1932X1		2.58	129	Khá	Cử nhân	
69	NT1932X032	Nguyễn Nhật Trường	12/01/1990	NT1932X1		2.75	129	Khá	Cử nhân	
70	NT1932X040	Nguyễn Thị Diệu	02/09/1979	NT1932X1	N	2.69	130	Khá	Cử nhân	
71	NT1932X070	Phạm Hồng Thái	28/06/1978	NT1932X1		2.53	129	Khá	Cử nhân	
72	NT1932X072	Phan Thanh Phương	09/09/1979	NT1932X1		2.70	129	Khá	Cử nhân	
73	NV1932X421	Đặng Minh Trung	16/02/1996	NV1932X1		2.56	129	Khá	Cử nhân	
74	PY1832X033	Bùi Thị Ái Châu	12/04/1985	ET1932X2	N	2.73	133	Khá	Cử nhân	Nợ học phí
75	PY1932X314	Tô Hữu Đông	26/03/1969	ET1932X2		2.61	130	Khá	Cử nhân	
76	PY1932X315	Võ Ngọc Hiền Minh	03/06/1990	ET1932X2	N	3.56	131	Giỏi	Cử nhân	
77	PY1932X318	Nguyễn Thị Bích Vi	11/12/1981	ET1932X2	N	2.86	132	Khá	Cử nhân	Nợ học phí
78	PY1932X325	Nguyễn Minh Vương	20/10/1988	ET1932X2		2.68	129	Khá	Cử nhân	
79	PY1932X326	Nguyễn Trọng Lực	20/01/1990	ET1932X2		2.63	131	Khá	Cử nhân	
80	TM1932X035	Trần Minh Lung	01/01/1987	TM1932X1		2.70	129	Khá	Cử nhân	
81	TM1932X087	Trương Thị Nguyên	04/11/1999	TM1932X1	N	2.93	129	Khá	Cử nhân	
82	TN2032X001	Tô Thị Bảo Ánh	02/07/1992	ET2032X1	N	2.68	141	Khá	Cử nhân	
83	TN2032X013	Nguyễn Thị Tuyết Ngọc	14/10/1991	ET2032X1	N	2.52	141	Khá	Cử nhân	
84	TN2032X016	Nguyễn Hoàng Diễm Phương	22/04/1989	ET2032X1	N	2.29	141	Trung bình	Cử nhân	
85	TN2032X017	Nguyễn Duy Quang	14/09/1989	ET2032X1		2.39	141	Trung bình	Cử nhân	
86	TN2032X093	Vũ Thị Thu Hằng	13/11/1986	ET2032X1	N	2.63	143	Khá	Cử nhân	
Ngành đào tạo: Bảo vệ thực vật (Hệ Đại học - Học từ xa)										
1	CO1773X064	Nguyễn Trường Vũ	00/00/1987	CO1773X1		3.21	120	Giỏi	Kỹ sư	
2	CO1773X067	Đoàn Huỳnh Như	30/01/1976	CO1773X1	N	3.14	120	Khá	Kỹ sư	

Tổng số danh sách: **187** sinh viên, Trong đó có:

- 13 sinh viên được cấp bằng Kỹ sư
- 174 sinh viên được cấp bằng Cử nhân